

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ

THS. NCS. NGUYỄN PHƯƠNG THẢO\*

## Dẫn nhập

Các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) ngày càng khẳng định được giá trị của mình trong bối cảnh nền công nghiệp 4.0. Việc sử dụng các đối tượng quyền tác giả (QTG), quyền liên quan của chủ sở hữu QTG, quyền liên quan có thể do chính chủ sở hữu tiến hành hay do người khác thực hiện thông qua việc chuyển giao quyền dưới hình thức một hợp đồng (có thể là hợp đồng chuyển nhượng QTG, quyền liên quan hay hợp đồng chuyển quyền sử dụng QTG, quyền liên quan). Từ đó, chủ thể làm nhiệm vụ sáng tạo - tác giả, đồng tác giả tập trung vào hoạt động tạo ra các sản phẩm mới, vấn đề thương mại hóa, khai thác quyền trở nên chuyên môn hóa và hiệu quả hơn. Việc xuất bản, phát hành các tác phẩm đến với công chúng không chỉ thuần túy là giới thiệu sản phẩm mà đã trở thành một ngành công nghiệp dịch vụ với rất nhiều doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực này. Do đó, hoạt động chuyển giao QTG nói riêng và quyền SHTT nói chung ngày càng trở nên phổ biến và quen thuộc. Trong phạm vi bài viết này, tác giả tập trung phân tích một số vấn đề pháp lý về hợp đồng chuyển nhượng QTG nhằm góp phần đưa pháp luật vào thực tiễn hiệu quả, thống nhất.

## 1. Bản chất của hợp đồng chuyển giao QTG

Theo định nghĩa của Cục Bản quyền tác giả, chuyển giao QTG<sup>1</sup> được hiểu là việc chuyển giao một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản thuộc QTG theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật. Thời hạn bảo hộ QTG có thể kết thúc sau khi tác giả chết nên một số QTG có thể được chuyển giao cho người khác thông qua chế định

thừa kế (bao gồm thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật) như các loại tài sản khác. Phổ biến hơn, QTG được chuyển giao giữa các chủ thể thông qua hình thức hợp đồng. Người chuyển giao QTG được coi là người chuyển giao quyền sở hữu QTG. Người chuyển giao đầu tiên thường là tác giả hoặc người thừa kế của tác giả. Người được chuyển giao QTG được coi là người nhận chuyển giao quyền sở hữu QTG. Hợp đồng chuyển giao QTG là một thỏa thuận hợp tác giữa chủ sở hữu QTG và bên được chuyển giao, đổi lại bằng một khoản tiền theo thỏa thuận (phí chuyển giao tác quyền). Theo Luật SHTT năm 2005 được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019 (sau đây viết là Luật SHTT) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của Việt Nam thì tác giả, chủ sở hữu QTG có quyền chuyển giao toàn bộ hoặc một, một số quyền tài sản thuộc QTG theo hợp đồng<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tác giả không được chuyển giao các quyền nhân thân trừ quyền công bố tác phẩm<sup>3</sup>. Việc chuyển giao các quyền này có thể thông qua: quy định trực tiếp của pháp luật (1) hoặc một giao dịch dân sự (2). Trường hợp các quyền của chủ sở hữu QTG có được theo quy định trực tiếp của pháp luật là thừa kế theo pháp luật. Giao dịch để chuyển quyền của tác giả cho chủ sở hữu QTG thể hiện dưới hình thức phổ biến trên thực tế là hợp đồng chuyển nhượng QTG, quyền liên quan và hợp đồng sử dụng QTG,

\* Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

<sup>1</sup> Cục Bản quyền tác giả/Từ điển thuật ngữ/Chuyển giao quyền tác giả [http://cov.gov.vn/cbq/index.php?option=com\\_glossary&id=47](http://cov.gov.vn/cbq/index.php?option=com_glossary&id=47) (truy cập ngày 10/02/2020).

<sup>2</sup> Xem khoản 1 Điều 45, khoản 2 Điều 47 Luật SHTT.

<sup>3</sup> Xem khoản 2 Điều 45, khoản 2 Điều 47 Luật SHTT.

quyền liên quan<sup>4</sup>. Hai loại hợp đồng này có những nét tương đồng và khác biệt thể hiện bản chất, mục đích, giá trị lợi ích mà các bên hướng tới khi thỏa thuận hợp đồng. Để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến chuyển giao quyền SHTT, cần vận dụng những quy định của pháp luật về hợp đồng nói riêng và các quy định pháp luật dân sự nói chung, bởi lẽ chuyển giao QTG cũng là loại hình giao dịch dân sự, với chủ thể và đối tượng mang những nét đặc trưng nhất định.

Chuyển giao QTG, quyền liên quan có thể được thực hiện dưới hai hình thức: chuyển nhượng QTG, quyền liên quan và chuyển quyền sử dụng (QSD) QTG, quyền liên quan. Tùy thuộc vào mục đích khai thác tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền và bên nhận chuyển giao quyền có thể lựa chọn hình thức chuyển giao phù hợp. Đối với đối tượng QTG, quyền liên quan, pháp luật đặt ra khái niệm chuyển giao quyền chứ không “bán đứt” như các loại tài sản thông thường khác. Bởi lẽ, khác với người mua, người bán trong quan hệ dân sự thông thường, người có quyền sở hữu tác phẩm không đồng nghĩa là người đã sáng tạo ra tác phẩm đó, người mua bức tranh không có nghĩa được trở thành tác giả bức tranh đó. Có thể thấy, chuyển giao QTG, quyền liên quan là một vấn đề tuy diễn ra phổ biến trên thực tế nhưng lại rất phức tạp do tính chất tương đối - người “bán” vẫn còn quyền đối với tài sản và người “mua” không có nghĩa là có đầy đủ quyền.

## 2. Chủ thể của hợp đồng chuyển giao QTG

Chủ thể là yếu tố không thể thiếu trong một hợp đồng. Một cách khái quát, chủ thể chuyển giao quyền trong hợp đồng chuyển giao QTG là tác giả và bên nhận chuyển giao QTG. Đó có thể là tác giả, các đồng tác giả, tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả sáng tạo ra tác phẩm, người thừa kế, người được chuyển giao quyền hay Nhà nước.

Tác giả, chủ sở hữu QTG là những chủ thể có quyền đối với các tài sản trí tuệ nhưng những quyền này chỉ thực sự có ý nghĩa khi giá trị của các sản phẩm sáng tạo đó được khai thác, mang lại cho chủ sở hữu những quyền lợi vật chất và tinh thần nhất định. Chủ sở hữu QTG có thể thương mại hóa các quyền của mình thông qua tự thực hiện hoặc cho phép các tổ chức, cá nhân khác sử dụng các quyền độc quyền về tài sản thuộc QTG. Những hoạt động này bao gồm cho phép công bố, làm tác phẩm tái sinh, triển lãm, sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng tới công chúng để thu được tiền nhuận bút, thù lao và các quyền lợi vật chất khác.

Chủ sở hữu QTG là chủ thể có quyền chuyển giao QTG - chủ thể có các quyền tài sản thuộc nội dung QTG. Trong trường hợp tác giả đồng thời là chủ sở hữu, họ có quyền chuyển giao quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm. Chủ thể nhận chuyển giao QTG nói chung là các tổ chức, cá nhân. Trong đó, chuyển giao QTG cũng là một giao dịch dân sự nên đòi hỏi yếu tố chủ thể theo quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015: Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự, đối với chủ thể là tổ chức cần phải bảo đảm vấn đề đại diện theo quy định pháp luật.

Trong hợp đồng chuyển nhượng, bên chuyển giao được gọi là “bên chuyển nhượng” và cá nhân hoặc pháp nhân kia - bên nhận chuyển giao được gọi là “bên nhận chuyển nhượng”. Khi việc chuyển nhượng được hoàn tất, “bên chuyển nhượng” không còn một quyền tài sản nào liên quan đến tác phẩm. “Bên nhận chuyển nhượng” trở thành chủ sở hữu mới của tác phẩm đó và được phép thực thi tất cả các

<sup>4</sup> Trần Văn Nam, “Về khai thác khía cạnh thương mại của quyền tác giả thông qua các tổ chức quản lý tập thể tại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, số 147, tháng 9 năm 2009. <http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/2009/09/20/3822/> (truy cập ngày 10/01/2020).

quyền tài sản độc quyền của chủ sở hữu quyền ban đầu.

Trong tranh chấp về QTG<sup>5</sup>, tác phẩm “T” của tác giả Nguyễn Thị Minh Đ viết đã được Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số xx/2013/QTG ngày 17/10/2013. Theo khoản 1 Điều 6 và Điều 49 Luật SHTT, bà Đ được xác định là tác giả đồng thời là chủ sở hữu QTG đối với tác phẩm này vì theo tình tiết vụ việc không có chủ thể nào khác tranh chấp về vấn đề này. Do đó, bà Đ có quyền chuyển nhượng QTG cho chủ thể khác.

Vào tháng 3 năm 2015, bà Đ được người bạn giới thiệu đến gặp ông Lê Hồng S - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần hãng phim V để thỏa thuận chuyển nhượng tác phẩm này. Về tư cách chủ thể, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân buộc phải tham gia vào các giao dịch thông qua người đại diện<sup>6</sup>. Ông S là Tổng giám đốc công ty V, có tư cách đại diện cho Công ty này xác lập giao dịch. Do vậy, hợp đồng do ông S ký làm phát sinh trách nhiệm cho công ty V. Theo thỏa thuận, ông S đồng ý với việc nhận chuyển nhượng tác phẩm trên và có yêu cầu chỉnh sửa còn 39 tập để xem trước. Ông S cũng đã liên hệ các đài truyền hình trước để bán phim sau khi sản xuất, được các đài đồng ý mua thì chính thức ký hợp đồng với bà Đ. Ngày 09/6/2015, Công ty Cổ phần hãng phim V mời bà Đ đến ký Hợp đồng chuyển nhượng QTG và Hợp đồng sản xuất kịch bản. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển nhượng QTG, trong đó ông S đóng vai trò đại diện cho Công ty Cổ phần hãng phim V. Chủ thể nhận chuyển nhượng trong Hợp đồng này là Công ty Cổ phần hãng phim V.

Về bên nhận chuyển nhượng, pháp luật SHTT cũng như pháp luật dân sự không giới hạn về điều kiện của tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp này, Công ty Cổ phần hãng phim V là chủ thể nhận chuyển nhượng hợp pháp theo quy định pháp luật.

Sản phẩm sáng tạo có thể là kết quả của nhiều tác giả - trường hợp tác phẩm được tạo ra bởi hai người trở lên cùng sáng tạo. Đồng tác giả cũng là tác giả của tác phẩm nên họ có các quyền đối với tác phẩm chung và QTG của họ được công nhận và điều chỉnh tương tự như quyền của tác giả đơn nhất. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền của đồng tác giả đối với tác phẩm chung có sự khác biệt rõ rệt. Trong trường hợp các đồng tác giả là chủ sở hữu quyền, cùng sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm thì có chung các quyền được quy định tại Điều 19 và Điều 20 Luật SHTT. Tuy nhiên, trong trường hợp phần sáng tạo của các tác giả trong tác phẩm chung có thể tách ra sử dụng một cách độc lập mà không gây phương hại đến phần đóng góp của các đồng tác giả khác thì họ cũng có quyền tại Điều 19 và Điều 20 Luật SHTT đối với các phần riêng đó. Họ cùng nhau tạo nên tác phẩm chung - bản chất tương tự như quan hệ hợp tác trong dân sự với đối tượng đóng góp chính là sức lao động, cụ thể hơn là lao động trí tuệ. Theo định nghĩa tại khoản 1 Điều 502 BLDS năm 2015, hợp đồng hợp tác là “sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm”. Từ đó phát sinh quyền của các đồng tác giả (trong trường hợp là các đồng chủ sở hữu) đối với việc chuyển giao QTG. Trong phạm vi quyền của mình, đồng chủ sở hữu có thể chuyển giao QTG cho chủ thể khác. Nếu phần quyền của những chủ thể này là không thể phân chia thì việc chuyển giao phải nhận được sự đồng ý của tất cả các đồng tác giả (nếu họ đồng thời là đồng chủ sở hữu).

<sup>5</sup> Bản án số 29/2018/KDTM-PT ngày 28/7/2018 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>6</sup> VIAC (2019), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng - Những điều doanh nhân cần biết*, chủ biên: Đỗ Văn Đại, Nxb. Thanh niên, tr.21.

Đối với hợp đồng chuyển QSD, chủ thể chuyển giao mở rộng hơn - có thể không phải là chủ sở hữu QTG. Bên nhận quyền trong một hợp đồng chuyển QSD QTG trước đó có thể ký hợp đồng thứ cấp tiếp tục chuyển giao phần quyền mình được nhận cho bên thứ ba. Khoản 4 Điều 47 Luật SHTT ghi nhận: *“Tổ chức, cá nhân được chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan có thể chuyển quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân khác nếu được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan”*. Quy định này cho phép chủ thể được thực hiện việc chuyển giao quyền trong phạm vi nhất định, đặt dưới sự giám sát của chủ sở hữu QTG. Điều này khuyến khích hoạt động chuyển giao QTG trở nên đa dạng và linh hoạt hơn, tăng khả năng khai thác thương mại cũng như phục vụ cộng đồng. Nội hàm quy định này vận dụng tương tự như chế định hợp đồng thuê - cho thuê lại đối với tài sản, vì bản chất đối tượng QTG trong hợp đồng chuyển giao chính là tài sản.

Tóm lại, về mặt chủ thể, trong hợp đồng chuyển nhượng bên chuyển quyền là chủ sở hữu QTG (có thể đồng thời là tác giả, đồng tác giả). Trong hợp đồng chuyển QSD, bên chuyển giao là chủ sở hữu hoặc chủ thể đóng vai trò bên nhận QSD trong một hợp đồng trước đó. Bên nhận chuyển giao có thể là bất kỳ chủ thể nào đủ tư cách chủ thể tham gia vào hợp đồng. Trong trường hợp bên chuyển giao là tổ chức, cá nhân không có quyền sở hữu (hoặc không được phép chuyển QSD thứ cấp), bên nhận quyền có khả năng đối mặt với các rủi ro liên quan đến hành vi xâm phạm QTG, cụ thể là sử dụng tác phẩm mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu.

### 3. Đối tượng của hợp đồng chuyển giao QTG

Chuyển nhượng là việc chủ sở hữu bán tất cả các quyền SHTT độc quyền của mình và được một cá nhân khác hoặc pháp nhân khác mua các quyền đó<sup>7</sup>. Khi tất cả các

quyền độc quyền đối với một sản phẩm trí tuệ đã được bảo hộ được chủ sở hữu của nó chuyển giao cho một cá nhân hoặc một pháp nhân khác mà không có một giới hạn bất kỳ về thời gian hoặc các điều kiện khác thì việc chuyển nhượng các quyền đó được xem như đã được thực hiện. Khái niệm chuyển nhượng này được luật pháp nhiều nước công nhận. Chuyển QSD có phạm vi hẹp hơn, bên nhận quyền chỉ có QSD mà không trở thành chủ sở hữu QTG như trong trường hợp chuyển nhượng.

Về mặt lý luận, QTG bao gồm quyền kinh tế, quyền tinh thần và quyền có bản chất hỗn hợp (vừa là quyền kinh tế, vừa là quyền tinh thần)<sup>8</sup>. Đối tượng trong hợp đồng chuyển giao QTG chỉ là các quyền lợi tài sản - quyền kinh tế và quyền nhân thân gắn liền với tài sản. Các quyền thuộc về tinh thần chỉ gắn với bản thân tác giả và không được chuyển giao dưới bất kỳ hình thức nào. Theo quy định của pháp luật hiện hành, chuyển nhượng QTG, quyền liên quan là việc chủ sở hữu QTG, chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19, Điều 20, khoản 3 Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của Luật SHTT cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Cụ thể, các QTG có thể chuyển giao là: (1) Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm. Mặc dù là một quyền nhân thân nhưng vì việc thực hiện quyền này gắn với việc thực hiện các quyền về tài sản nên đây được xem là “quyền nhân thân gắn với tài sản”<sup>9</sup>. Về mặt nguyên tắc, công bố tác phẩm là quyền của tác giả.

<sup>7</sup> Michael Blakeney - Viện nghiên cứu Sở hữu trí tuệ Queen Mary, Đại học London, *Tại liệu giảng dạy về sở hữu trí tuệ - Chuyển nhượng và chuyển quyền sử dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ*, tr.2.

<sup>8</sup> Lê Hồng Hạnh và Đinh Thị Mai Phương (chủ biên) (2004), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.35.

<sup>9</sup> Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, Nxb. Hồng Đức, tr.100.



Quyền này có thể được chuyển giao cho chủ thể khác theo quy định pháp luật, khi tác phẩm chưa được công bố. Do vậy, không phải trong mọi trường hợp bên nhận quyền đều có thể nhận chuyển giao quyền công bố tác phẩm; (2) Làm tác phẩm phái sinh; (3) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng; (4) Sao chép tác phẩm; (5) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; (6) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác; (7) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

Tác giả không được chuyển nhượng và chuyển QSD các quyền nhân thân sau (khoản 2 Điều 45 và khoản 2 Điều 47): (1) Đặt tên cho tác phẩm; (2) Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; (3) Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Tiếp tục về tranh chấp nêu trên, khi bà Đ viết xong tác phẩm “T” thì bà Đ đưa cho ông Lê Hồng S xem nội dung tác phẩm. Sau khi hai bên thống nhất đổi tên tác phẩm thành “Á...”, ngày 09/6/2015 giữa bà Đ với Công ty Cổ phần hãng phim V đã ký kết “Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả” đối với tác phẩm “Á...”, trị giá hợp đồng là 195.000.000 đồng. Như vậy, đối tượng chuyển nhượng trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là QTG đối với tác phẩm “Á...”. Quyền đặt tên cho tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật SHTT là quyền nhân thân chỉ thuộc về tác giả và không được chuyển giao. Do đó, bà Đ là chủ thể duy nhất có quyền đổi tên tác phẩm từ “T” thành “Á...”, việc chuyển nhượng không bao gồm hoạt động này.

Sau khi nhận chuyển nhượng tác phẩm này thì Công ty Cổ phần hãng phim V có

các quyền tài sản được quy định tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19 Luật SHTT. Một trong những quyền này là quyền được làm tác phẩm phái sinh. Theo đó, Công ty Cổ phần hãng phim V có thể thuê một chủ thể khác chuyển thể từ truyện nhiều tập thành kịch bản phim nhiều tập tùy thuộc vào mục đích sử dụng, không làm ảnh hưởng đến quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của nguyên đơn tại khoản 4 Điều 19 Luật SHTT. Tuy nhiên, ngày 09/6/2015, ông S yêu cầu bà Đ thực hiện việc chuyển thể tác phẩm nêu trên thành kịch bản phim và hai bên thỏa thuận ký hợp đồng thứ hai là “Hợp đồng sản xuất kịch bản”. Theo hợp đồng thứ hai này thì bà Đ có nghĩa vụ căn cứ vào nội dung tác phẩm truyện “Á...” để viết kịch bản phim truyện truyền hình mang tên “Á...” cho Công ty Cổ phần hãng phim V trong thời hạn hai tháng (từ ngày 20/6/2015 đến ngày 20/8/2015), giá trị của hợp đồng thứ hai là 195.000.000 đồng. Hai hợp đồng nêu trên hoàn toàn riêng biệt với nhau, vì đối tượng của hợp đồng chuyển giao QTG là các quyền được quy định tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19 Luật SHTT và việc chuyển thể thành kịch bản phim là hoạt động thực hiện một trong số các quyền đó.

Khi chuyển giao QTG, một vấn đề quan trọng cần xác định rõ trong hợp đồng là phạm vi chuyển quyền. Xuất phát từ quyền tự do hợp đồng, các bên có thể thỏa thuận những giới hạn nhất định đối với hành vi sử dụng đối tượng của hợp đồng. Giới hạn này có thể là giới hạn về không gian, thời gian và nội dung quyền. Cho đến nay, có nhiều tranh chấp xảy ra do phạm vi chuyển quyền trong hợp đồng không rõ ràng. Một bên cho rằng mình chỉ cho phép bên kia sử dụng quyền X trong khi bên kia lại giải thích hợp đồng theo hướng X’ và thực hiện các hoạt động khác đối với tài sản trí tuệ để thu lợi. Hiện nay, khi giao kết hợp đồng nói chung và hợp đồng chuyển giao quyền SHTT nói riêng, các bên nên thỏa thuận những điều khoản thật cụ thể để tránh phát

sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận rõ về hành vi sử dụng thì hành vi được phép sử dụng sẽ được xác định theo mục đích hợp đồng<sup>10</sup>. Theo pháp luật SHTT, đối với thỏa thuận chuyển QSD, các bên có thể thỏa thuận chuyển một, một số hoặc toàn bộ các quyền trong phạm vi cho phép<sup>11</sup>. Trong khi đó, Điều 45 Luật SHTT đề cập đến hợp đồng chuyển nhượng lại không nói rõ về việc liệu rằng có thể chuyển nhượng một hoặc một số quyền hay không<sup>12</sup>. Điều 41 đưa ra một quy định gián tiếp khi đề cập: “*Tổ chức, cá nhân được chuyển giao một, một số hoặc toàn bộ các quyền [...] theo thỏa thuận trong hợp đồng là chủ sở hữu quyền tác giả*”. Như vậy, thỏa thuận chuyển nhượng có thể được thực hiện với đối tượng chỉ gồm một hoặc một số quyền tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19. Hệ quả pháp lý là một tác phẩm có thể có nhiều chủ sở hữu đối với từng quyền riêng rẽ. Về mặt lý thuyết, điều này hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, trên thực tế, các thỏa thuận chuyển nhượng thường xác định phạm vi toàn bộ các quyền được phép chuyển giao. Điều này cũng làm đơn giản hóa việc đăng ký QTG tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nghiên cứu pháp luật các quốc gia trên thế giới, khái niệm chuyển nhượng QTG được đề cập trong Luật Bản quyền Hoa Kỳ là sự chuyển giao, cầm cố, cấp giấy phép sử dụng độc quyền hoặc bất kỳ một hình thức chuyển quyền sở hữu, sang tên, bán QTG nào khác hoặc về bất kỳ một quyền độc quyền nào khác bao hàm trong bản quyền tác phẩm không phụ thuộc vào việc các quyền này có bị hạn chế về mặt thời gian hoặc địa điểm hay không nhưng không bao gồm các giấy phép sử dụng không độc quyền. Ở nhiều quốc gia, QTG (trừ các quyền tinh thần - được hiểu như các quyền nhân thân) có thể được chuyển nhượng. Điều này có nghĩa khi chủ sở

hữu QTG chuyển giao quyền cho một cá nhân hoặc tổ chức, đối tượng này sẽ trở thành chủ sở hữu QTG. Ở một số nước, việc chuyển nhượng QTG không được pháp luật cho phép. Tuy nhiên, thông qua việc chuyển QSD, các bên có thể đạt được hiệu quả thực tế gần như tương tự với chuyển nhượng.

#### 4. Hình thức của hợp đồng chuyển giao QTG

Thực tế, QTG, quyền liên quan có thể được chuyển giao từ chủ thể này sang chủ thể khác thông qua các hình thức: hợp đồng dân sự hoặc thừa kế, kế thừa<sup>13</sup>. Trong đó, hợp đồng là hình thức phổ biến nhất. Hình thức là điều kiện của giao dịch dân sự trong trường hợp pháp luật có quy định. Đối với hợp đồng chuyển giao QTG, quyền liên quan, pháp luật đưa ra các quy định về hình thức hợp đồng như sau: Việc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền tài sản thuộc QTG được thực hiện trên cơ sở hợp đồng. Luật SHTT cũng có quy định: Hợp đồng chuyển nhượng QTG, quyền liên quan và hợp đồng chuyển QSD QTG, quyền liên quan phải được lập thành văn bản (khoản 1 Điều 46 và khoản 1 Điều 48). Khác với BLDS năm 1995<sup>14</sup>, pháp luật hiện hành quy định hình thức của hợp đồng này phải được lập thành văn bản. Bởi lẽ, quy định về hợp đồng sử dụng tác phẩm cũ không yêu cầu phải lập thành văn bản dẫn đến việc các bên thỏa thuận bằng lời nói. Khi xảy ra tranh chấp, việc bảo vệ

<sup>10</sup> Nguyễn Bình, Nguyễn Thị Chính, Nguyễn Huy Ngát, Nguyễn Bích Ngọc (2005), *Bình luận về quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, tr.140.

<sup>11</sup> Điều 47 Luật SHTT.

<sup>12</sup> Khoản 1 Điều 45 Luật SHTT quy định: “*Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan là việc chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19, Điều 20, khoản 3 Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của Luật này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan*”.

<sup>13</sup> Hoàng Thế Liên (chủ biên) (2010), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2005 Tập III*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.375.

<sup>14</sup> Khoản 2 Điều 767 BLDS năm 1995.

quyền lợi cho chính các chủ thể hợp đồng trở nên khó khăn hơn rất nhiều vì quyền SHTT mang bản chất vô hình - dưới dạng quyền tài sản, không có sự chuyển giao mang tính vật chất nên rất khó xác định sự tồn tại của giao dịch cũng như các thỏa thuận kèm theo.

Tại một số nước, hình thức pháp lý của văn bản chứng minh việc chuyển nhượng hay chuyển QSD cũng như các thủ tục và yêu cầu khác được quy định bởi pháp luật SHTT, luật chuyển giao công nghệ hoặc luật thương mại. Chẳng hạn, có thể yêu cầu văn bản này phải được ký bởi không chỉ bên chuyển nhượng mà cả bên nhận chuyển nhượng; có thể quy định văn bản chuyển nhượng hoặc hợp đồng chuyển QSD phải được trình để đăng ký tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bằng hành vi đăng ký, bên nhận chuyển nhượng hoặc bên nhận chuyển QSD được Chính phủ công nhận là bên nhận hoặc chủ sở hữu các quyền được chuyển nhượng hoặc được chuyển QSD. Bên cạnh đó, pháp luật các nước cũng có thể quy định các điều khoản và điều kiện quy định trong văn bản chuyển nhượng hoặc chuyển QSD phải được một hoặc nhiều cơ quan chính phủ được chỉ định xem xét hoặc thẩm định và thông qua. Hợp đồng chuyển giao QTG là thỏa thuận bằng văn bản giữa một bên là tác giả, chủ sở hữu QTG, chủ sở hữu quyền liên quan với một bên là cá nhân, tổ chức khác về việc chuyển quyền sở hữu QTG, quyền sở hữu quyền liên quan bao gồm các quyền tài sản và các quyền nhân thân có thể chuyển giao.

Luật SHTT hiện hành không có điều khoản riêng biệt quy định về vấn đề hiệu lực của hợp đồng chuyển giao QTG, quyền liên quan. Khác với hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp chỉ có hiệu lực khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công

ngiệp), khi chuyển giao QTG, quyền liên quan không yêu cầu phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này là phù hợp với quy định về căn cứ phát sinh QTG - kể từ khi tác phẩm được sáng tạo ra và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định, không phụ thuộc vào việc đăng ký. Về mặt nguyên tắc, khi giải quyết hiệu lực của hợp đồng này, chúng ta có thể vận dụng những quy định của pháp luật dân sự về hợp đồng nói chung (căn cứ vào khoản 1 Điều 5 Luật SHTT).

### 5. Nội dung của hợp đồng chuyển giao QTG

Trong trường hợp chủ sở hữu QTG mong muốn chuyển nhượng toàn bộ QTG cho chủ thể khác, họ có thể giao kết hợp đồng chuyển nhượng QTG, quyền liên quan. Hợp đồng chuyển giao QTG, quyền liên quan trước hết là một loại hợp đồng, phải tuân thủ những nguyên tắc chung cho các loại hợp đồng và một số quy tắc riêng xuất phát từ đối tượng đặc trưng là QTG và quyền liên quan đến QTG. Đầu tiên, hợp đồng phải xuất phát từ sự thỏa thuận. Đây là điều kiện tiên quyết của hợp đồng. Mọi hợp đồng khai thác QTG phải được sự thỏa thuận của tác giả, lý do là để bảo vệ các quyền lợi nhân thân của tác giả đối với tác phẩm, nhất là quyền phổ biến, công bố tác phẩm, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Mọi hợp đồng khai thác QTG mà không có sự thỏa thuận của tác giả đều bị vô hiệu tương đối, tác giả có quyền khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng trong thời hạn quy định<sup>15</sup>. Khi giao kết hợp đồng, các bên còn phải bảo đảm sự tự do giao kết, vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội cũng như sự tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực và ngay thẳng.

Nội dung của hợp đồng dân sự theo thỏa thuận của các bên có thể bao gồm: đối tượng

<sup>15</sup> Nguyễn Mạnh Bách (2007), *Luật Sở hữu trí tuệ*, Nxb. Giao thông vận tải, tr.42.

của hợp đồng là tài sản phải giao, công việc phải làm hoặc không được làm; số lượng, chất lượng; giá, phương thức thanh toán; thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng; quyền, nghĩa vụ của các bên; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; phạt vi phạm hợp đồng; các nội dung khác.

Trong từng loại hợp đồng chuyển giao QTG cụ thể, pháp luật cũng có những quy định về nội dung chủ yếu của hợp đồng. Đối với hợp đồng chuyển nhượng QTG, quyền liên quan, những nội dung chủ yếu bao gồm: (1) Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng; (2) Căn cứ chuyển nhượng; (3) Giá, phương thức thanh toán; (4) Quyền và nghĩa vụ của các bên; (5) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng (Điều 46 Luật SHTT). Đối với hợp đồng chuyển QSD, một nội dung cần thỏa thuận là phạm vi chuyển quyền, bao gồm đối tượng chuyển giao, thời hạn chuyển giao và khả năng chuyển quyền thứ cấp cho bên thứ ba.

Hợp đồng chuyển giao QTG, quyền liên quan là hợp đồng song vụ. Bên cạnh các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể đối với hợp đồng dân sự thông thường, trong hợp đồng này, các bên có các quyền và nghĩa vụ chung sau đây:

- *Đối với tác giả, chủ sở hữu QTG:*

+ Có nghĩa vụ chuyển giao tác phẩm theo đúng thời hạn, địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, bảo đảm cho bên kia thực hiện quyền lợi của mình phù hợp với mục đích hợp đồng.

+ Có quyền được bảo đảm những quyền nhân thân (đối với tác giả) khi đã chuyển giao quyền; yêu cầu bên kia thanh toán phí chuyển quyền đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận. Trong trường hợp tác giả là bên chuyển giao, tác giả có quyền yêu cầu bên nhận tác phẩm trả thù lao cho mình trên cơ sở hợp đồng. Trong trường hợp bên chuyển giao là chủ sở hữu QTG, quyền liên quan thì đó là người có quyền yêu cầu trả thù lao theo thỏa thuận.

- *Đối với bên nhận chuyển quyền:*

+ Có nghĩa vụ thanh toán phí chuyển nhượng hoặc nhuận bút theo đúng thỏa thuận, bảo đảm tôn trọng quyền nhân thân của tác giả, người biểu diễn khi sử dụng sản phẩm trí tuệ được chuyển giao.

+ Có QSD đối tượng hợp đồng theo đúng thỏa thuận.

Kể cả đối với hợp đồng chuyển nhượng hay hợp đồng chuyển QSD, các bên cũng cần thỏa thuận rõ trách nhiệm khi có vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Trường hợp không có thỏa thuận, theo nguyên tắc vẫn áp dụng các quy định của pháp luật SHTT cũng như pháp luật dân sự để giải quyết.

Về mặt lợi ích, bên nhận chuyển nhượng phải trả cho chủ sở hữu một khoản tạm gọi là “phí chuyển giao”. Mức phí này là bao nhiêu, thanh toán như thế nào do các bên tự thỏa thuận và ghi nhận trong hợp đồng, pháp luật không quy định nhằm tránh trường hợp can thiệp quá sâu vào quan hệ dân sự, phá vỡ sự tự do hợp đồng. Việc xác định phí chuyển giao có thể thực hiện thông qua hoạt động định giá. Định giá tài sản là việc đánh giá giá trị của tài sản phù hợp với thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định. Định giá tài sản là hoạt động có ý nghĩa quan trọng nhằm xác định giá trị thực tế của tài sản, góp vốn vào doanh nghiệp, giao dịch chuyển nhượng hoặc chuyển QSD cũng như xác định thiệt hại trong trường hợp tài sản bị tổn thất do hành vi trái pháp luật gây ra. Ba phương pháp chính được sử dụng để định giá QTG là phương pháp chi phí, phương pháp thị trường và phương pháp thu nhập. Thông thường, giá thị trường sẽ được tính dựa trên các thỏa thuận tương tự đối với tác phẩm trong thời gian gần nhất. Trong một tranh chấp về hành vi xâm phạm QTG, Tòa án xác định mức thiệt hại mà nguyên đơn phải chịu từ hành vi xâm phạm bằng giá chuyển giao mà bị đơn nhận QTG từ một công ty khác: “nên lấy giá chuyển giao trong trường hợp bộ phim được Công ty Xuất



nhập khẩu phát hành phim Việt Nam chuyển giao cho Công ty Phương Tùng là 135.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký kết thực hiện giữa hai bên”<sup>16</sup>.

Quy định rõ ràng về chuyển giao giúp chủ thể dễ dàng tham gia vào giao dịch, cũng như bảo vệ tốt quyền lợi của mình. Đồng thời, mục tiêu của Nhà nước và pháp luật là hướng đến bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của công dân, một khi đã là chủ sở hữu quyền, họ có thể thực hiện việc khai thác quyền đó một cách tối đa, không chỉ chuyển QSD mà còn có thể chuyển nhượng quyền của mình phù hợp với quy định của pháp luật. Liên quan đến việc chuyển giao QTG, quyền liên quan, pháp luật về QTG Thụy Điển lại chia cụ thể từng loại hợp đồng như hợp đồng biểu diễn công cộng, hợp đồng xuất bản, hợp đồng phim (từ Điều 30 đến Điều 40 Luật QTG tác phẩm văn học và nghệ thuật Thụy Điển<sup>17</sup>). Trong đó, mỗi loại hợp đồng được quy định theo những điều khoản riêng biệt vô cùng cụ thể, tăng khả năng thực thi trên thực tiễn. Chẳng hạn, đối với hợp đồng xuất bản, nếu một tác phẩm không được xuất bản trong thời gian là 2 năm, nếu tác phẩm âm nhạc không được xuất bản trong thời gian là 4 năm, kể từ khi tác giả giao bản viết tay hoặc các bản sao khác để xuất bản, tác giả có thể hủy bỏ hợp đồng và giữ lại tiền thù lao đã nhận được kể cả khi nhà xuất bản không có lỗi (Điều 34); trước khi ấn phẩm hoặc những ấn phẩm mà nhà xuất bản được phép xuất bản được tiêu thụ hết thì tác giả không được quyền xuất bản lại tác phẩm dưới hình thức và phương thức đã nêu trong hợp đồng (Điều 37).

### Kết luận

Giá trị của những tài sản trí tuệ ngày càng được khẳng định. Khai thác giá trị thương mại của những sản phẩm này đang là vấn đề mà nhiều nhà đầu tư quan tâm. Thực tế cho thấy, không chỉ có các doanh nghiệp nước ngoài mà ngày càng có nhiều doanh

nh nghiệp Việt Nam đã và đang nhận ra giá trị hiện thực của loại tài sản trí tuệ và mong muốn sử dụng những lợi thế của nó trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình để phát triển kinh tế - xã hội. Sự sôi động của những vấn đề thực tế liên quan đến việc chuyển giao QTG, quyền liên quan đòi hỏi ở hệ thống pháp luật hiện hành những quy định cụ thể trong lĩnh vực này nhằm giải quyết tốt nhu cầu xã hội cũng như hoàn thiện các quy định pháp luật.

Trên thực tế, việc chuyển nhượng quyền tài sản đối với tác phẩm nhằm khai thác tốt giá trị tác phẩm là rất cần thiết và được pháp luật bảo đảm. Bởi nếu tác giả chỉ đơn thuần là người viết mà không có khả năng để công bố, in ấn, kinh doanh sản phẩm trí tuệ của mình (điều này hầu như là phổ biến vì nhà văn không phải là doanh nhân) thì cơ hội để tác phẩm của mình được phổ biến rộng rãi đến “người tiêu dùng” sẽ trở nên rất khó khăn. Hiện nay, ở các nước phát triển, việc phát hành, xuất bản hay những công việc chung liên quan đến giới thiệu và khai thác giá trị của sản phẩm trí tuệ được các tổ chức chuyên nghiệp thực hiện thay cho chủ thể sáng tạo. Trong khi đó, ở các quốc gia đang phát triển, công việc này thường do chính tác giả, chủ sở hữu Quyền tác giả thực hiện. Hiện tại Việt Nam có ba tổ chức đại diện tập thể QTG, quyền liên quan, đó là: Trung tâm QTG văn học Việt Nam (VLCC) - quản lý tập thể quyền trong lĩnh vực văn học; Trung tâm Bảo vệ Quyền tác giả âm nhạc (VCPMC) và Hiệp hội Ghi âm (RIAV) - quản lý tập thể QTG và quyền liên quan trong lĩnh vực âm nhạc. Hoạt động của các chủ thể này cần được đầu tư và mở rộng hơn nữa để việc khai thác QTG trở nên hiệu quả hơn. □

<sup>16</sup> Bản án số 11/2011/KDTM-ST ngày 04/01/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>17</sup> Luật số 729 ngày 30/12/1960 được sửa đổi, bổ sung ngày 01/4/2000.